

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm sau khi Bộ Kế hoạch & Đầu tư cho biết dòng vốn FDI toàn cầu suy giảm mạnh đã tác động đến nguồn đầu tư vào Việt Nam

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm, trái ngược với diễn biến tăng điểm tại thị trường cơ sở trước giao dịch tích cực của nhóm cổ phiếu ngân hàng

## [Thông tin doanh nghiệp]

KBC, NLG

## [Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị tiếp tục duy trì vị thế trung hạn và có thể kết hợp mở thêm 1 phần vị thế T+ tại vùng hỗ trợ

07/09/2021

|                          | Chỉ số   | Thay đổi<br>(%, bp) |
|--------------------------|----------|---------------------|
| VNIndex                  | 1,341.90 | -0.33               |
| VN30                     | 1,444.10 | +0.18               |
| HĐTL VN30F1M             | 1,441.00 | -0.25               |
| HNXIndex                 | 346.48   | +0.25               |
| HNX30                    | 578.03   | +0.97               |
| UPCoM                    | 94.70    | +0.04               |
| USD/VND                  | 22,762   | -0.04               |
| Lợi suất TPCP 10 năm (%) | 2.07     | -1                  |
| Lãi suất qua đêm (%)     | 0.67     | +8                  |
| Dầu (WTI, \$)            | 69.04    | -0.36               |
| Vàng (LME, \$)           | 1,815.16 | -0.45               |



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,341.90 (-0.33%)  
**KLGD (triệu CP)** 869.4 (+2.2%)  
**GTGD (triệu US\$)** 1,171.2 (-5.5%)

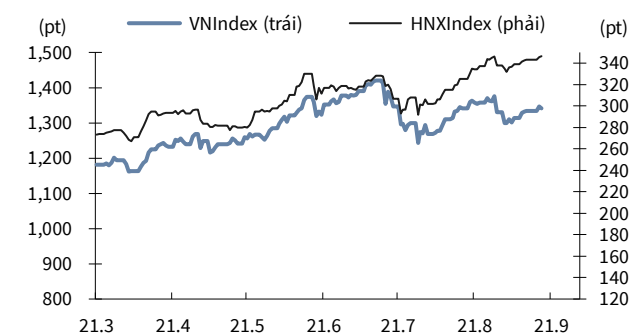
**HNXIndex** 346.48 (+0.25%)  
**KLGD (triệu CP)** 180.0 (-8.9%)  
**GTGD (triệu US\$)** 156.5 (+0.4%)

**UPCoM** 94.70 (+0.04%)  
**KLGD (triệu CP)** 137.0 (+1.9%)  
**GTGD (triệu US\$)** 94.5 (-7.0%)

**NĐTNN mua ròng (triệu US\$)** -35.2

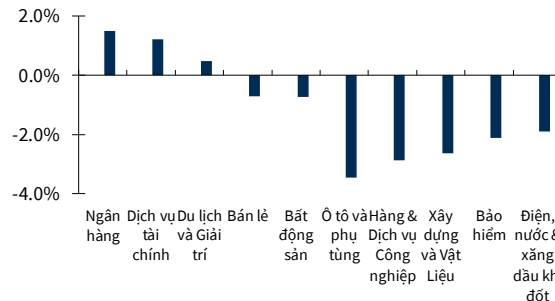
TTCK Việt Nam giảm điểm sau khi Bộ Kế hoạch & Đầu tư cho biết dòng vốn FDI toàn cầu suy giảm mạnh đã tác động đến nguồn đầu tư vào Việt Nam, cụ thể 8 tháng đầu năm vốn đăng ký cấp mới và góp vốn mua cổ phần giảm lần lượt 37% và 43% so với cùng kỳ năm trước. Ngân hàng Nhà nước cho biết, đến cuối tháng 8 tăng trưởng tín dụng tăng khoảng 7.4% so với đầu năm và dự kiến tín dụng sẽ hồi phục mạnh từ tháng 10 và hai tháng cuối năm, giúp cổ phiếu ngành ngân hàng tăng ở TCB (+1.4%), TPB (+4.6%). Giá dầu giảm sau khi OPEC+ thống nhất tăng dần sản lượng khai thác dầu thô và Arab Saudi hạ giá bán cho châu Á, khiến cổ phiếu ngành dầu giảm ở GAS (-1.9%), PVD (-3.9%). VASEP cho biết giãn cách đến 15/9 sẽ khiến chuỗi sản xuất thủy sản đứt gãy, giá cổ phiếu ngành thủy sản giảm ở ANV (-5.6%), VHC (-4.7%). Khối ngoại bán ròng ở VHM (+1.1%), SSI (+0.7%), VIC (-1.2%).

VNIndex & HNXIndex



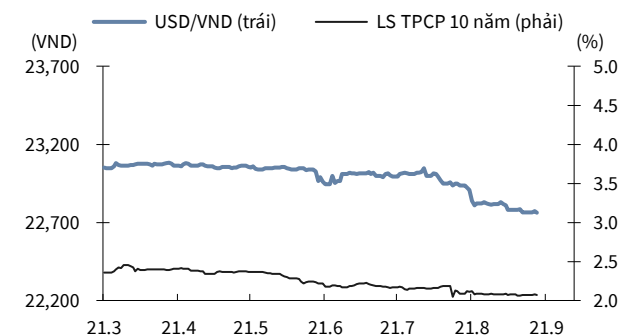
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



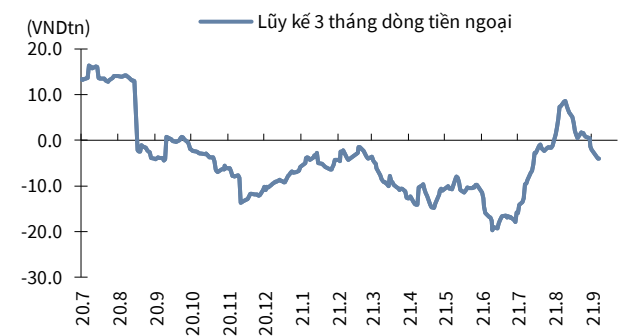
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

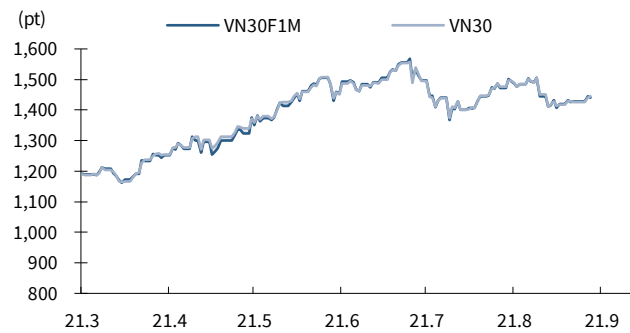
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

|                  |                          |
|------------------|--------------------------|
| <b>VN30</b>      | <b>1,444.10 (+0.18%)</b> |
| <b>VN30F1M</b>   | <b>1,441.0 (-0.25%)</b>  |
| <b>Mở cửa</b>    | <b>1,445.2</b>           |
| <b>Cao nhất</b>  | <b>1,449.8</b>           |
| <b>Thấp nhất</b> | <b>1,436.0</b>           |

Các HĐTL giảm điểm, trái ngược với diễn biến tăng điểm tại thị trường cơ sở trước giao dịch tích cực của nhóm cổ phiếu ngân hàng. Chênh lệch F2109 và chỉ số VN30 mở cửa ở mức 3.06 điểm sau đó đảo chiều và biến động với biên độ âm trong khoảng 0 và -6.62 điểm, đóng cửa ở mức -3.1 điểm. Khối ngoại giao dịch cân bằng trong phiên, thanh khoản thị trường tiếp tục ở mức thấp.

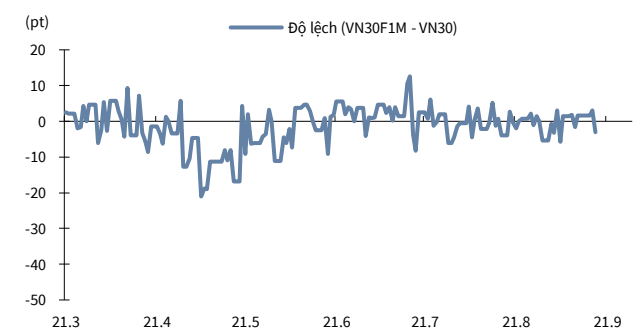
**KLGD (HĐ)**      **168,269 (+12.8%)**

**HĐTL VN30F1M & VN30**



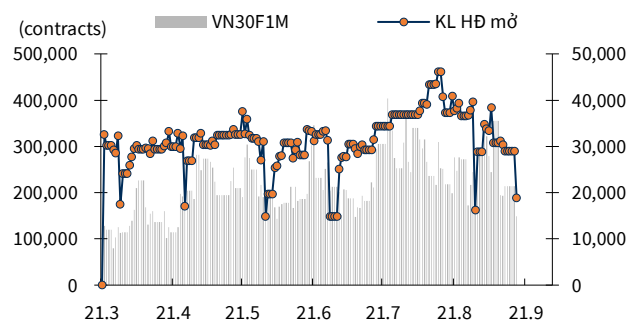
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30**



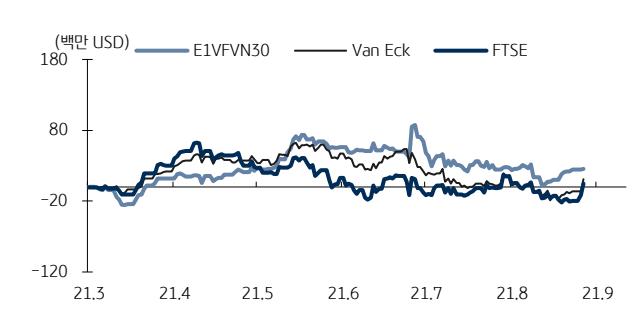
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở**



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

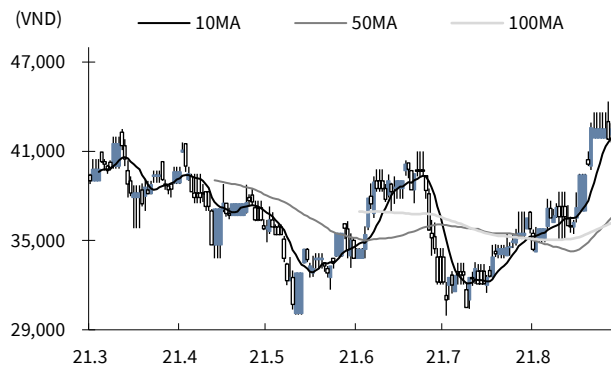
**Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn**



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

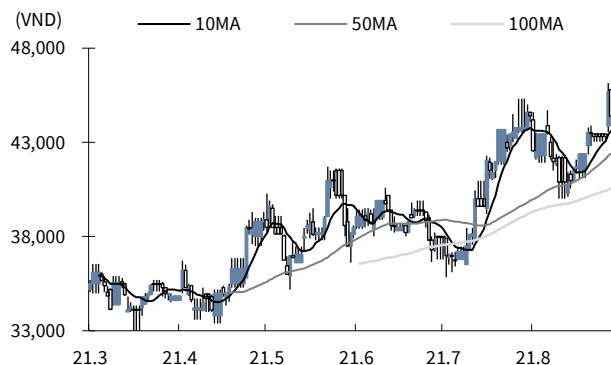
## Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc (KBC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- KBC tăng 1.7% lên 42,500 VND/cp
- Tổng công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc thông báo đã bán 1,000 tỷ đồng trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, và không phải nợ thứ cấp kỳ hạn 24 tháng, đáo hạn tại ngày 3/6/2023. Lãi suất cố định 10.5%/năm được trả định kỳ 6 tháng/lần. Tài sản đảm bảo là cổ phiếu KBC thuộc sở hữu của bên thứ 3.

## Đầu tư Nam Long (NLG)



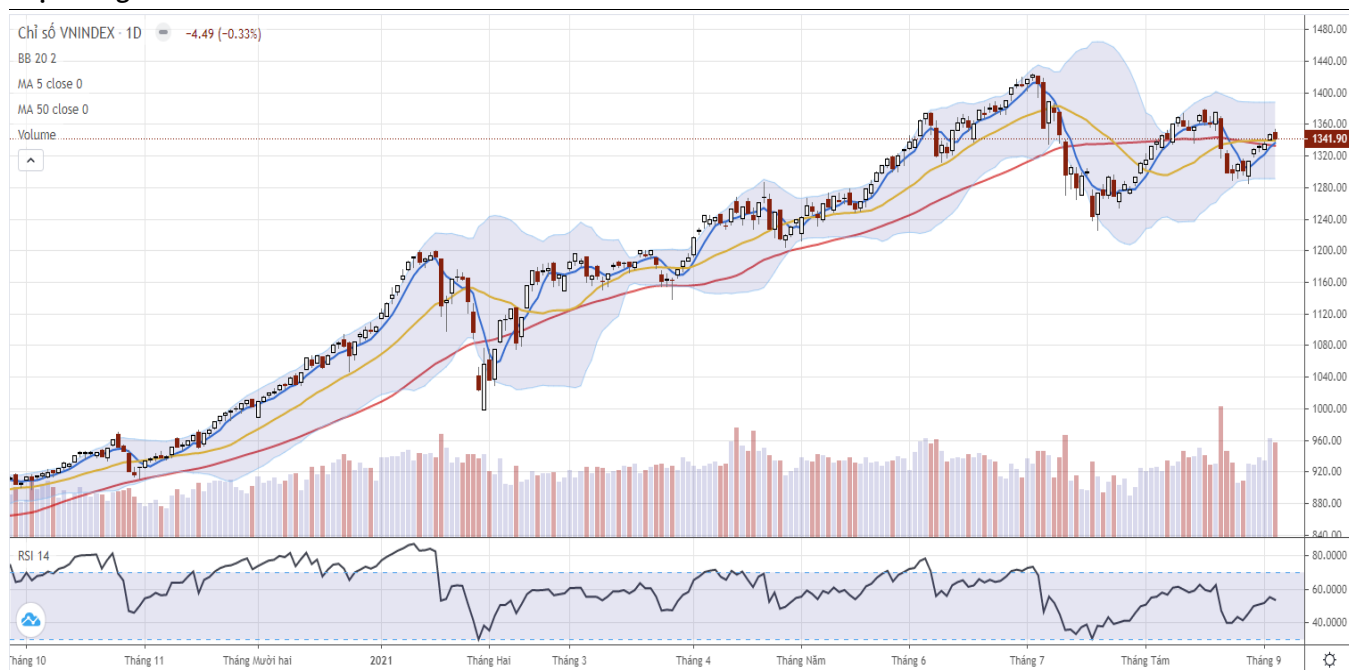
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- NLG giảm 2.8% xuống 44,400 VND/cp
- Đầu tư Nam Long công bố Nghị quyết HĐQT thông qua phương án phát hành 60 triệu cổ phiếu riêng lẻ giá 33,500 đồng/cp. Tổng vốn huy động 2,010 tỷ đồng. Doanh nghiệp dự kiến tài trợ 1,800 tỷ đồng cho đầu tư dự án Akari – Lô F và 200 tỷ góp vốn vào công ty con để nhận chuyển nhượng dự án PG Hải Phòng.

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

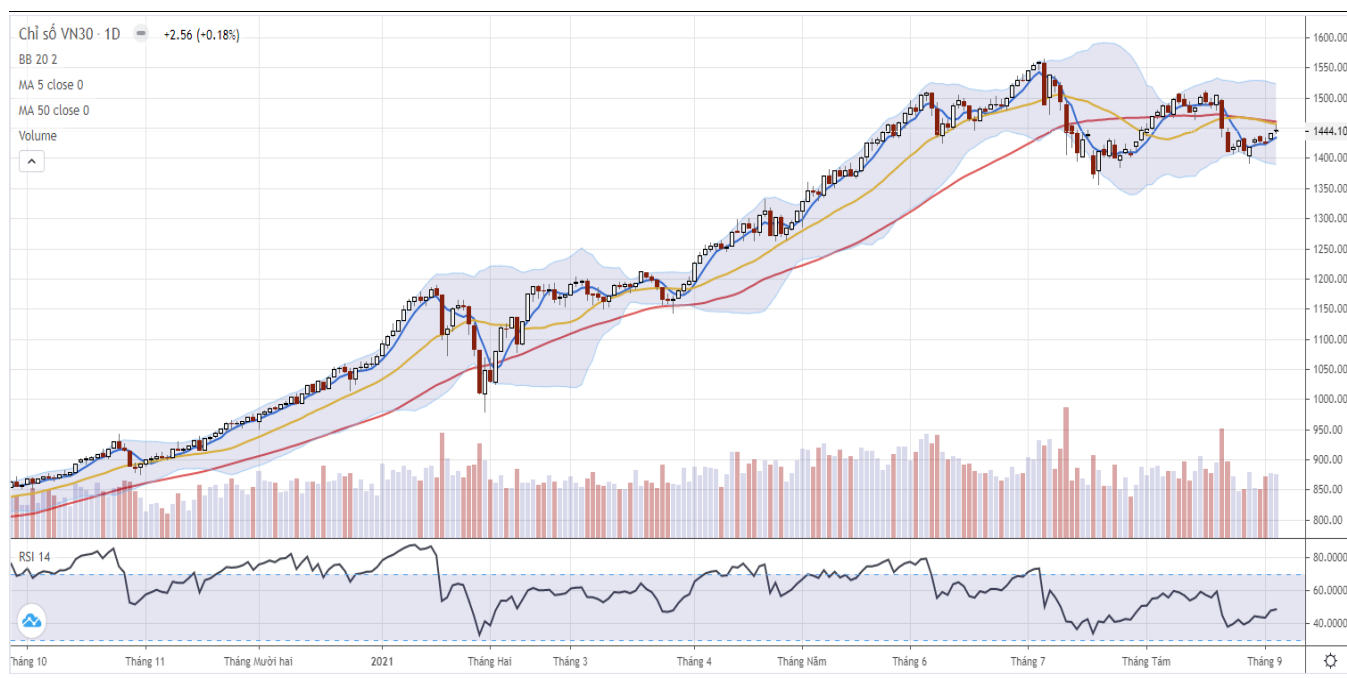
### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



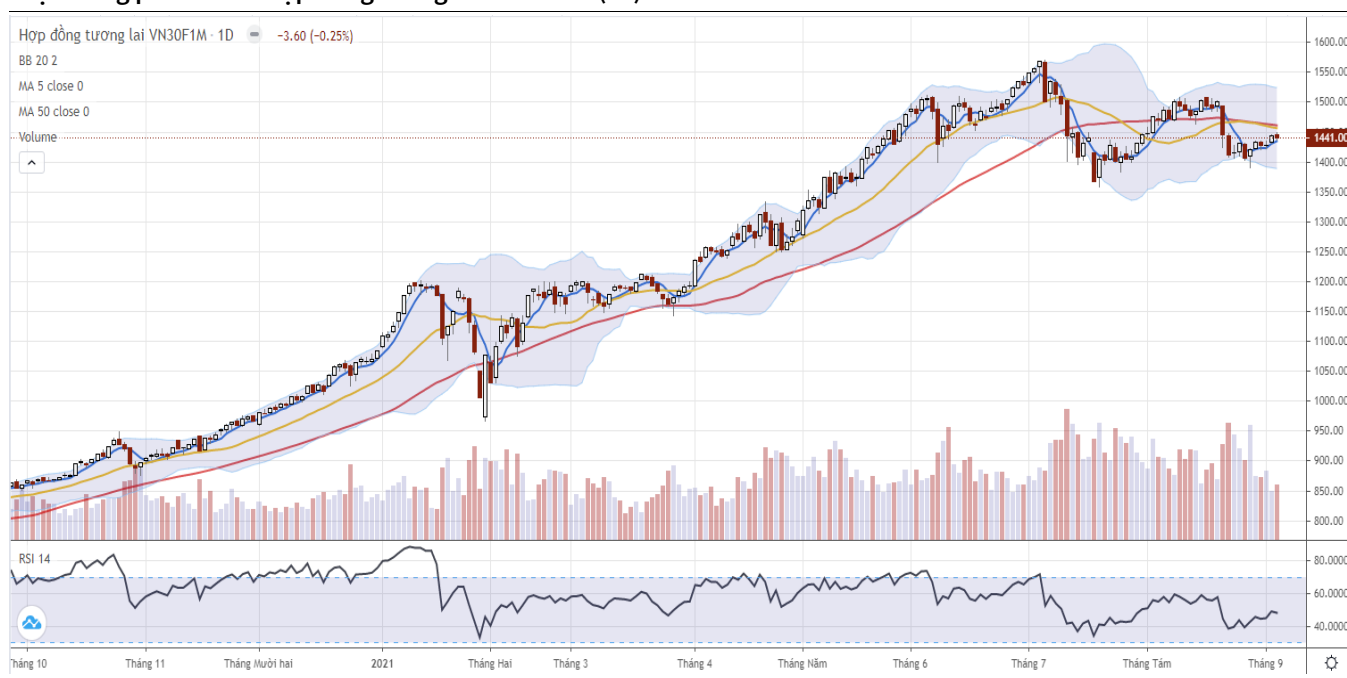
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex tạo dựng được nhịp tăng khá tích cực trong phiên trước khi đảo chiều giảm điểm về cuối phiên.
- Chỉ số đã bắt đầu chịu ảnh hưởng sớm từ vùng cản 136x và áp lực rung lắc có thể sẽ tiếp tục xuất hiện trong phiên kế tiếp. Mặc dù vậy, chúng tôi cho rằng xu hướng tăng điểm ngắn hạn vẫn đang được duy trì với vùng hỗ trợ gần quanh 1340.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục duy trì vị thế trung hạn và có thể kết hợp mở thêm 1 phần vị thế T+ tại vùng hỗ trợ.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

**Kháng cự xa:** 1460 - 1463

**Kháng cự gần:** 1447 - 1450

**Hỗ trợ gần:** 1435 - 1438

**Hỗ trợ xa:** 1425 - 1430

- Sau những nỗ lực tăng điểm bất thành, F1 đảo chiều giảm điểm về cuối phiên trước khi hồi phục và lấy lại một phần điểm số đã mất.
- Chỉ số đã bắt đầu chịu ảnh hưởng sớm từ vùng cản 146x và áp lực rung lắc có thể sẽ tiếp tục xuất hiện trong phiên kế tiếp. Mặc dù vậy, chúng tôi cho rằng xu hướng tăng điểm ngắn hạn vẫn đang được duy trì với vùng hỗ trợ gần quanh 1430.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục ưu tiên mở vị thế LONG tại các vùng hỗ trợ trong phiên.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Nằm giữ vị thế đã mở, chỉ dừng lỗ nếu đánh mất hỗ trợ xa.

*Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.*

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

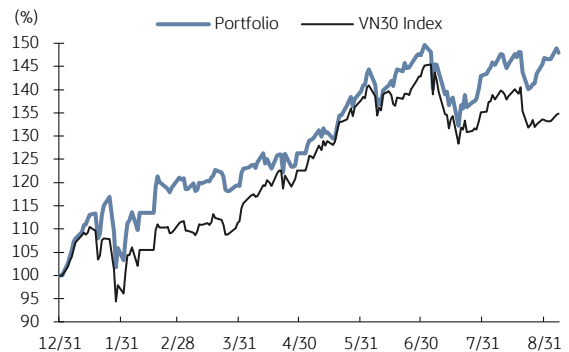
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

|                   | VN30 Index | Master Portfolio |
|-------------------|------------|------------------|
| Tăng trong phiên  | 0.18%      | -0.69%           |
| Tăng lũy kế (YTD) | 34.87%     | 47.89%           |

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

| Mã CP                           | Ngày khuyến nghị | Giá đóng cửa 07/09/2021 | Tăng/giảm trong phiên (%) | Tăng/giảm lũy kế (%) | Điểm nhấn đầu tư                                                                                                                                                                                                |
|---------------------------------|------------------|-------------------------|---------------------------|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Mobile World (MWG)              | 09/08/2019       | 110,300                 | -0.6%                     | 42.8%                | - MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD<br>- BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối<br>- Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm      |
| Nam Long Invest (NLG)           | 03/06/2019       | 44,400                  | -2.8%                     | 81.6%                | - NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền<br>- Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp                                                                                    |
| Phu Nhuận Jewelry (PNJ)         | 22/03/2019       | 86,200                  | -0.3%                     | 12.5%                | - Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao<br>- PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay<br>- Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"  |
| Military Bank (MBB)             | 18/12/2018       | 28,600                  | 1.1%                      | 127.2%               | - NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC)<br>- Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM<br>- Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn           |
| Refrig Elec Eng (REE)           | 11/10/2018       | 64,000                  | -3.3%                     | 88.2%                | - Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE<br>- Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn                                                                        |
| FPT Corp (FPT)                  | 06/09/2018       | 93,500                  | -1.5%                     | 221.2%               | - Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh<br>- Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15%<br>- Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020                |
| Vietin Bank (CTG)               | 01/31/2020       | 32,650                  | 1.9%                      | 72.7%                | - Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019<br>- Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020<br>- Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh                                               |
| PV Gas (GAS)                    | 11/12/2020       | 88,700                  | -1.9%                     | 20.8%                | - Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện<br>- Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu<br>- Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh |
| Hoa Phat Group (HPG)            | 04/12/2019       | 50,700                  | -1.0%                     | 250.3%               | - Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại<br>- Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục<br>- Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.                          |
| Kinhbaco City Development (KBC) | 09/03/2020       | 42,500                  | 1.7%                      | 210.2%               | - Giá bán khu đô thị Trảng Dục cao hơn kỳ vọng<br>- Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA<br>- Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc                        |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Mã  | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| VCB | 0.0%         | 23.5%                 | 44.7              |
| MBB | 1.1%         | 22.5%                 | 37.2              |
| DCM | -3.0%        | 2.3%                  | 31.5              |
| VCI | 4.9%         | 19.6%                 | 28.3              |
| CTG | 1.9%         | 24.5%                 | 27.8              |

| Mã  | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| VHM | 1.1%         | 23.5%                 | -353.9            |
| SSI | 0.7%         | 47.0%                 | -247.3            |
| VIC | -1.2%        | 14.8%                 | -88.5             |
| HPG | -1.0%        | 26.3%                 | -59.6             |
| MSN | -1.0%        | 33.0%                 | -45.0             |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Ticker | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|--------|--------------|-----------------------|-------------------|
| SHS    | 3.1%         | 8.8%                  | 11.7              |
| VCS    | -1.1%        | 3.8%                  | 6.5               |
| SHB    | 0.4%         | 4.0%                  | 3.8               |
| ACM    | -5.9%        | 2.1%                  | 2.6               |
| MBS    | 1.9%         | 0.6%                  | 2.3               |

| Ticker | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
|--------|--------------|-----------------------|-------------------|
| SMT    | 9.5%         | 4.1%                  | -2.9              |
| BII    | 9.6%         | 1.2%                  | 0.5               |
| BCC    | 1.7%         | 2.1%                  | -0.6              |
| AMV    | -3.9%        | 0.0%                  | 0.9               |
| NBC    | -5.8%        | 4.5%                  | -0.6              |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Truyền thông                    | 5.5%         | ADG, PNC     |
| Tài nguyên Cơ bản               | 2.9%         | HPG, HSG     |
| Dịch vụ tài chính               | 2.4%         | VCI, HCM     |
| Ngân hàng                       | 1.9%         | VPB, CTG     |
| Công nghệ thông tin             | 1.3%         | FPT, SAM     |

| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Y tế                            | -5.0%        | DHG, TRA     |
| Bảo hiểm                        | -3.4%        | BVH, BIC     |
| Thực phẩm và đồ uống            | -1.3%        | MSN, SAB     |
| Ô tô và phụ tùng                | -0.6%        | SVC, TCH     |
| Hóa chất                        | -0.3%        | DPM, DGC     |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Hóa chất                        | 10.0%        | GVR, DGC     |
| Y tế                            | 9.7%         | DHG, VMD     |
| Dịch vụ tài chính               | 8.5%         | VCI, FTS     |
| Xây dựng và Vật Liệu            | 6.8%         | HT1, VGC     |
| Hàng & Dịch vụ Công nghiệp      | 5.7%         | REE, PVT     |

| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Dầu khí                         | -6.2%        | PLX, PVD     |
| Bất động sản                    | -3.8%        | VIC, VHM     |
| Ngân hàng                       | -3.8%        | BID, ACB     |
| Điện, nước & xăng dầu khí đốt   | -3.0%        | GAS, TTE     |
| Hàng cá nhân & Gia dụng         | -2.9%        | TCM, STK     |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành                    | Mã  | Tên công ty      | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VNĐtỷ, USDmn) | GTGD (VNĐtriệu, USDmn) | Room còn lại (%,-1đ) | P/E (X) |      | EPS CAGR (%) | ROE (%) |      | P/B (X) |     | Biến động (%) |      |      |       |
|--------------------------|-----|------------------|---------|-----------------------------------|------------------------|----------------------|---------|------|--------------|---------|------|---------|-----|---------------|------|------|-------|
|                          |     |                  |         |                                   |                        |                      | 20E     | 21E  |              | 20E     | 21E  | 20E     | 21E | 1D            | 1W   | 1M   | YTD   |
| Bất Động Sản             | VIC | VINGROUP JSC     | 97,778  | 372,067 (16,170)                  | 251,501 (11.0)         | 22.5                 | 59.8    | 58.5 | 14.7         | 7.0     | 8.0  | 4.0     | 3.6 | -1.2          | -0.9 | -6.8 | -2.4  |
|                          | VHM | VINHOMES JSC     | 103,200 | 339,478 (14,753)                  | 1,545,713 (67.8)       | 26.6                 | 11.7    | 10.3 | 35.9         | 28.3    | 27.0 | 3.2     | 2.4 | 1.1           | 2.5  | -3.8 | 22.5  |
|                          | VRE | VINCOM RETAIL JS | 34,850  | 79,190 (3,442)                    | 116,643 (5.1)          | 17.8                 | 25.7    | 18.9 | -7.6         | 7.5     | 10.0 | 2.0     | 1.8 | -3.2          | 1.5  | -2.7 | -13.4 |
|                          | NVL | NO VA LAND INVES | 60,068  | 86,712 (3,768)                    | 282,235 (12.4)         | 31.3                 | 35.9    | 25.9 | 6.7          | 16.0    | 14.4 | 4.4     | 4.1 | 0.0           | 1.0  | -2.5 | 117.9 |
|                          | KDH | KHANG DIEN HOUSE | 31,182  | 19,167 (833)                      | 135,656 (5.9)          | 11.6                 | 23.2    | 16.6 | 18.0         | 12.9    | 15.8 | 2.7     | 2.3 | -0.9          | 3.7  | -1.9 | 52.4  |
|                          | DXG | DAT XANH GROUP   | 24,300  | 12,594 (547)                      | 151,033 (6.6)          | 13.9                 | 10.9    | 8.0  | -            | 16.3    | 18.5 | 1.6     | 1.3 | -3.9          | 1.6  | -4.8 | 37.9  |
| Ngân hàng                | VCB | BANK FOR FOREIGN | 102,000 | 378,305 (16,441)                  | 139,320 (6.1)          | 6.3                  | 16.8    | 14.1 | 11.7         | 21.1    | 20.9 | 3.2     | 2.6 | 0.0           | 2.2  | 1.9  | 2.1   |
|                          | BID | BANK FOR INVESTM | 43,400  | 174,556 (7,586)                   | 84,120 (3.7)           | 12.7                 | 17.2    | 12.2 | -5.3         | 13.2    | 17.0 | 1.8     | 1.7 | 1.5           | 2.6  | -7.5 | -17.1 |
|                          | TCB | VIETNAM TECHNOLO | 38,900  | 136,341 (5,925)                   | 812,252 (35.6)         | 0.0                  | 10.4    | 8.6  | 14.3         | 20.5    | 20.3 | 1.9     | 1.6 | 1.4           | 3.3  | -4.2 | 57.6  |
|                          | CTG | VIETNAM JS COMM  | 28,512  | 137,021 (5,955)                   | 502,898 (22.0)         | 1.4                  | 9.4     | 7.5  | 61.1         | 18.6    | 20.0 | 1.7     | 1.5 | 1.9           | 4.8  | -4.4 | 22.0  |
|                          | VPB | VIETNAM PROSPERI | 41,300  | 101,381 (4,406)                   | 580,994 (25.5)         | 0.0                  | 10.0    | 10.4 | 18.8         | 23.6    | 16.8 | 1.9     | 1.6 | 3.9           | 3.8  | 4.8  | 95.4  |
|                          | MBB | MILITARY COMMERC | 19,407  | 73,327 (3,187)                    | 506,845 (22.2)         | 0.0                  | 9.1     | 7.6  | 14.6         | 22.1    | 21.7 | 1.6     | 1.4 | 1.1           | 2.1  | -3.5 | 69.4  |
|                          | HDB | HDBANK           | 20,400  | 40,641 (1,766)                    | 82,405 (3.6)           | 4.2                  | 9.7     | 8.2  | 23.3         | 21.4    | 20.8 | 1.8     | 1.5 | 1.3           | 0.8  | -4.6 | 40.5  |
|                          | STB | SACOMBANK        | 18,600  | 33,548 (1,458)                    | 587,374 (25.7)         | 14.0                 | 19.1    | 14.1 | 26.5         | 10.3    | 12.6 | -       | -   | 1.3           | 2.2  | -7.9 | 65.1  |
|                          | TPB | TIEN PHONG COMME | 27,850  | 28,732 (1,249)                    | 162,750 (7.1)          | 0.0                  | 8.2     | 6.9  | 37.5         | 23.2    | 21.5 | 1.7     | 1.3 | 4.6           | 7.1  | 2.5  | 35.8  |
|                          | EIB | VIETNAM EXPORT-I | 18,500  | 22,745 (988)                      | 12,712 (0.6)           | 0.2                  | 37.6    | 20.4 | 27.3         | 5.8     | 10.0 | 1.8     | 1.7 | 4.2           | 5.7  | -3.5 | 35.1  |
| Bảo hiểm                 | BVH | BAO VIET HOLDING | 61,900  | 45,950 (1,997)                    | 59,552 (2.6)           | 21.0                 | 23.9    | 21.2 | 15.8         | 8.4     | 9.0  | 1.9     | 1.8 | -2.0          | 3.6  | 2.8  | -16.2 |
|                          | BMI | BAOMINH INSURANC | 22,250  | 2,439 (106)                       | 33,773 (1.5)           | 14.2                 | 11.7    | -    | 9.1          | 13.1    | -    | 1.5     | -   | -3.2          | -2.5 | -1.4 | 29.8  |
| Chứng khoán              | SSI | SSI SECURITIES C | 33,300  | 19,947 (867)                      | 979,352 (42.9)         | 55.4                 | 20.4    | 18.3 | -3.2         | 17.3    | 17.7 | -       | -   | 0.7           | -1.3 | 7.1  | 82.5  |
|                          | VCI | VIET CAPITAL SEC | 27,500  | 9,108 (396)                       | 384,997 (16.9)         | 71.9                 | -       | -    | -4.0         | -       | -    | -       | -   | 4.9           | 7.5  | 18.2 | 121.0 |
|                          | HCM | HO CHI MINH CITY | 29,200  | 8,907 (387)                       | 366,776 (16.1)         | 52.4                 | -       | -    | -25.5        | -       | -    | -       | -   | 1.3           | 5.2  | 14.2 | 79.3  |
|                          | VND | VNDIRECT SECURIT | 17,211  | 5,734 (249)                       | 641,656 (28.1)         | 27.2                 | 11.4    | 19.3 | 36.3         | 21.3    | 17.0 | 3.8     | 3.5 | 2.8           | 2.8  | 3.8  | 176.9 |
| Hàng tiêu dùng thiết yếu | VNM | VIET NAM DAIRY P | 109,000 | 227,805 (9,900)                   | 306,737 (13.4)         | 42.1                 | 18.1    | 16.7 | 4.0          | 32.7    | 33.9 | 5.6     | 5.4 | -0.6          | -0.8 | -1.0 | -20.7 |
|                          | SAB | SAIGON BEER ALCO | 192,500 | 123,447 (5,365)                   | 33,791 (1.5)           | 36.9                 | 22.1    | 18.6 | 7.3          | 21.2    | 21.8 | 4.0     | 3.4 | -0.3          | 0.1  | -4.2 | -23.7 |
|                          | MSN | MASAN GROUP CORP | 95,100  | 111,712 (4,855)                   | 195,038 (8.5)          | 16.5                 | 47.7    | 27.2 | -51.9        | 14.3    | 22.2 | 7.8     | 6.1 | -1.0          | -4.5 | -3.5 | 46.0  |
|                          | HNG | HOANG ANH GIA LA | 12,450  | 13,801 (600)                      | 46,284 (2.0)           | 48.8                 | -       | -    | -            | -       | -    | -       | -   | -2.4          | -4.4 | -8.6 | -52.0 |
| Công nghiệp (vận tải)    | VJC | VIETJET AVIATION | 131,800 | 69,042 (3,001)                    | 118,834 (5.2)          | 11.0                 | -       | 34.9 | -88.5        | 0.4     | 16.2 | -       | -   | -0.9          | -1.7 | 6.1  | -0.3  |
|                          | GMD | GEMADEPT CORP    | 33,100  | 9,976 (434)                       | 240,705 (10.6)         | 10.8                 | 29.5    | 20.8 | -57.0        | 8.6     | 12.0 | 2.4     | 2.3 | -3.6          | -0.6 | 5.2  | 55.8  |
|                          | CII | HO CHI MINH CITY | 22,600  | 5,398 (235)                       | 67,116 (2.9)           | 38.4                 | 18.1    | 9.6  | 65.7         | 5.5     | 9.6  | 1.1     | 1.0 | -4.9          | 7.2  | 7.9  | -13.6 |
| Công nghiệp (Tư bản)     | ROS | FLC FAROS CONSTR | 3,670   | 2,083 (091)                       | 53,537 (2.3)           | 46.4                 | -       | -    | -92.4        | -       | -    | -       | -   | -5.3          | 4.6  | -6.5 | 98.4  |
|                          | GEX | GELEX GROUP JSC  | 17,224  | 10,411 (452)                      | 286,118 (12.5)         | 37.7                 | 18.0    | 12.5 | -12.7        | 12.1    | 12.7 | -       | -   | -2.3          | 6.3  | 12.9 | 41.0  |
|                          | CTD | COTECCONS CONSTR | 73,200  | 5,438 (236)                       | 41,684 (1.8)           | 3.6                  | 32.4    | 17.0 | -52.4        | 1.9     | 3.6  | 0.6     | 0.6 | -2.3          | 4.7  | 6.1  | -10.7 |
|                          | REE | REE              | 59,600  | 18,419 (800)                      | 84,791 (3.7)           | 0.0                  | 11.8    | 10.1 | -4.5         | 14.2    | 13.9 | 1.6     | 1.4 | -3.3          | -1.5 | 18.5 | 30.7  |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành                          | Mã  | Tên công ty      | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn) | GTGD (VNDtỷ, USDmn) | Room còn lại (%,-1d) | P/E (X) |      | EPS CAGR (%) | ROE (%) |      | P/B (X) |     | Biến động (%) |      |      |       |
|--------------------------------|-----|------------------|---------|-----------------------------------|---------------------|----------------------|---------|------|--------------|---------|------|---------|-----|---------------|------|------|-------|
|                                |     |                  |         |                                   |                     |                      | 20E     | 21E  |              | 20E     | 21E  | 20E     | 21E | 1D            | 1W   | 1M   | YTD   |
| Tiện ích                       | GAS | PETROVIETNAM GAS | 90,100  | 172,447 (7,494)                   | 104,186 (4.6)       | 46.1                 | 19.4    | 15.6 | -17.5        | 18.1    | 20.5 | 3.4     | 3.1 | -1.9          | 2.0  | -4.0 | 2.4   |
|                                | NT2 | PETROVIETNAM NHO | 22,850  | 6,578 (286)                       | 15,678 (0.7)        | 31.4                 | 19.4    | 12.5 | -10.5        | 8.2     | 13.2 | 1.7     | 1.8 | -2.3          | 5.1  | 13.8 | -12.6 |
|                                | PPC | PHA LAI THERMAL  | 26,200  | 8,400 (365)                       | 11,719 (0.5)        | 34.1                 | 19.5    | 11.6 | -5.1         | 7.9     | 13.9 | 1.6     | 1.6 | -3.7          | 3.7  | 9.9  | 2.5   |
| Nguyên vật liệu                | HPG | HOA PHAT GRP JSC | 32,481  | 145,287 (6,314)                   | 1,319,428 (57.8)    | 18.0                 | 7.7     | 7.7  | 21.9         | 39.2    | 28.6 | 2.5     | 1.9 | -1.0          | 6.5  | 4.8  | 65.1  |
|                                | DPM | PETROVIETNAM FER | 17,400  | 6,809 (296)                       | 264,492 (11.6)      | 36.5                 | 14.4    | 18.3 | -0.5         | 12.6    | 9.1  | 1.6     | 1.5 | -3.4          | -3.9 | 21.9 | 88.0  |
|                                | DCM | PETRO CA MAU FER | 13,650  | 7,226 (314)                       | 157,320 (6.9)       | 46.5                 | 19.5    | 18.6 | -4.5         | 11.3    | 10.9 | 2.0     | 2.0 | -3.0          | 0.2  | 16.3 | 76.1  |
|                                | HSG | HOA SEN GROUP    | 22,636  | 11,063 (481)                      | 474,101 (20.8)      | 38.9                 | 5.0     | 6.8  | 67.9         | 47.9    | 25.6 | 1.9     | 1.5 | -1.8          | 10.1 | 10.8 | 109.1 |
|                                | AAA | AN PHAT BIOPLAST | 12,864  | 3,138 (136)                       | 135,613 (5.9)       | 97.2                 | 10.7    | 11.0 | 17.2         | 10.3    | 9.9  | 1.1     | 1.1 | -3.9          | -1.4 | 3.2  | 22.2  |
| Năng lượng                     | PLX | VIETNAM NATIONAL | 56,100  | 68,375 (2,972)                    | 81,590 (3.6)        | 4.6                  | 16.9    | 15.5 | -51.0        | 16.0    | 16.1 | -       | -   | -1.4          | 1.8  | -4.7 | -7.7  |
|                                | PVD | PETROVIETNAM DRI | 23,400  | 9,854 (428)                       | 129,921 (5.7)       | 39.9                 | 135.5   | 22.7 | -11.9        | 0.5     | 2.6  | 0.6     | 0.6 | -3.9          | 1.4  | -0.5 | 14.2  |
|                                | PVT | PETROVIET TRANSP | 17,900  | 5,793 (252)                       | 168,659 (7.4)       | 35.9                 | 10.5    | 9.9  | 1.2          | 14.3    | 14.2 | 1.5     | 1.4 | -5.4          | 7.1  | 23.0 | 67.9  |
| Hàng tiêu dùng không thiết yếu | MWG | MOBILE WORLD INV | 93,000  | 65,024 (2,826)                    | 164,340 (7.2)       | 0.0                  | 16.3    | 12.7 | 13.7         | 24.8    | 26.6 | 3.7     | 3.1 | -0.6          | 0.6  | -3.5 | 39.2  |
|                                | PNJ | PHU NHUAN JEWELR | 87,500  | 19,895 (865)                      | 54,722 (2.4)        | 0.0                  | 18.3    | 14.5 | 2.4          | 20.2    | 23.4 | 3.3     | 2.9 | -0.3          | 0.5  | -    | 10.4  |
|                                | YEG | YEAH1 GROUP CORP | 40,300  | 1,261 (055)                       | 5,823 (0.3)         | 70.6                 | -       | -    | -            | -       | -    | -       | -   | -3.5          | 0.7  | -    | 12.4  |
|                                | FRT | FPT DIGITAL RETA | 28,200  | 2,227 (097)                       | 109,757 (4.8)       | 30.3                 | 34.4    | 21.4 | -75.2        | 7.8     | 11.8 | 2.6     | 2.4 | -4.3          | 0.2  | 5.4  | 28.1  |
|                                | PHR | PHUOC HOA RUBBER | 61,900  | 8,387 (365)                       | 40,310 (1.8)        | 34.6                 | 17.4    | 9.7  | 41.2         | 15.4    | 27.4 | 2.2     | 2.3 | -1.3          | 9.2  | 8.1  | -13.2 |
| Chăm sóc sức khỏe              | DHG | DHG PHARMACEUTIC | 100,300 | 13,114 (570)                      | 5,558 (0.2)         | 45.4                 | 18.5    | 17.3 | 10.7         | 20.6    | 20.3 | 3.5     | 3.2 | -1.3          | 2.1  | 8.4  | -0.4  |
|                                | PME | PYMEPHARCO JSC   | 80,200  | 6,016 (261)                       | 138 (0.0)           | 11.7                 | -       | -    | 1.6          | -       | -    | -       | -   | 0.0           | -1.2 | -5.3 | 4.6   |
| IT                             | FPT | FPT CORP         | 68,000  | 61,301 (2,664)                    | 272,490 (11.9)      | 0.0                  | 21.1    | 17.9 | 15.5         | 23.9    | 25.2 | 4.5     | 4.1 | -1.5          | 1.6  | -3.2 | 81.9  |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

**Trụ sở chính:**  
Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

**Chi nhánh Hà Nội:**  
Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

**Chi nhánh Hồ Chí Minh:**  
Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

**Chi nhánh Sài Gòn:**  
Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

**LIÊN HỆ**  
Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656  
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276  
Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)  
Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

Hệ thống khuyến nghị

| Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu<br>(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới) |                           |                    |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------------------|
| Mua:                                                                                            | Nằm giữa:                 | Bán:               |
| +15% hoặc cao hơn                                                                               | trong khoảng +15% và -15% | -15% hoặc thấp hơn |

| Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành<br>(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới) |                    |                    |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Khả quan:                                                                                    | Trung lập:         | Kém khả quan:      |
| Vượt trội hơn thị trường                                                                     | Phù hợp thị trường | Kém hơn thị trường |

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.